

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HÀ SÀI GÒN
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT
CHO GIAI ĐOẠN TỪ NGÀY 01/01/2018 ĐẾN NGÀY 30/06/2018

Tháng 08 năm 2018

MỤC LỤC

NỘI DUNG

TRANG

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	5
BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH HỢP NHẤT	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	10

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HÀ SÀI GÒN

292/5 ấp Tam Đông 2, xã Thới Tam Thôn, Huyện Hóc Môn, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn (Sau đây gọi tắt là “Công ty”) đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty đã được kiểm toán cho giai đoạn từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong giai đoạn từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018 và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Lê Hoàng Hà	Chủ tịch	
Ông Lê Vĩnh Sơn	Thành viên	Miễn nhiệm từ ngày 27/04/2018
Ông Lê Văn Ngà	Thành viên	
Ông Nguyễn Văn Thuận	Thành viên	
Bà Lê Thị Thu Thủy	Thành viên	Bổ nhiệm từ ngày 27/04/2018
Ông Lê Văn Thành	Thành viên	

Ban Tổng Giám đốc

Ông Huỳnh Văn Hòa	Tổng Giám đốc
Bà Ngô Thị Thanh Lan	Phó Tổng Giám đốc

Ban Kiểm soát

Ông Nguyễn Văn Tuấn	Trưởng ban	Bổ nhiệm từ ngày 28/04/2018
Bà Nguyễn Thị Thanh Nga	Thành viên	Miễn nhiệm Trưởng ban Kiểm soát và là Thành viên từ ngày 28/04/2018
Bà Lê Thị Thu Thủy	Thành viên	Miễn nhiệm từ ngày 27/04/2018
Ông Ngô Văn Thông	Thành viên	

Kế toán trưởng

Bà Ngô Thị Thanh Lan

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định rằng không có sự kiện nào sau ngày kết thúc kỳ kế toán, có ảnh hưởng trọng yếu, cần phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY.

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HÀ SÀI GÒN

292/5 ấp Tam Đông 2, xã Thới Tam Thôn, Huyện Hóc Môn, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất hàng kỳ phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không; và
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép phù hợp để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các Quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

CÁC CAM KẾT KHÁC

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và quy định về quản trị Công ty tại Thông tư 121/2012/TT-BTC ngày 26/07/2012 của Bộ Tài chính về việc quy định quản trị công ty áp dụng cho các công ty đại chúng, kể từ ngày 01/08/2017 Công ty áp dụng Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng và Thông tư số 95/2017/TT-BTC ngày 22/09/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định 71/2017/NĐ-CP.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Huỳnh Văn Hòa
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 08 năm 2018

Số: 425 /2018/UHY-BCSX

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn

Chúng tôi đã tiến hành soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được lập ngày 27/08/2018, từ trang 05 đến trang 50 kèm theo, bao gồm: Bảng Cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30/06/2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho giai đoạn từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018 và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

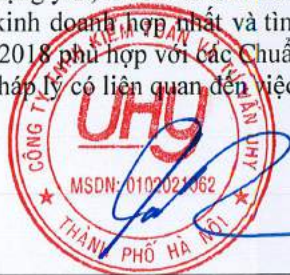
Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm không được lập và trình bày, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 30/06/2018 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018 phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.



Phạm Gia Đạt
Phó Tổng Giám đốc
Giấy ĐKHN Kiểm toán số 0798- 2018-112-1
Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY
Hà Nội, ngày 27 tháng 08 năm 2018

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
Tại ngày 30/06/2018

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2018 VND	01/01/2018 VND
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		518.092.553.230	488.148.690.480
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	52.314.815.931	38.242.168.257
Tiền	111		52.314.815.931	38.242.168.257
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		188.257.508.007	162.683.843.612
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	165.267.874.773	151.176.270.852
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		21.791.097.480	10.968.970.313
Phải thu ngắn hạn khác	136	8	2.954.680.503	2.294.747.196
Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	137	7,8	(1.761.084.750)	(1.761.084.750)
Tài sản thiếu chờ xử lý	139		4.940.001	4.940.001
Hàng tồn kho	140	5	268.098.555.049	274.062.977.047
Hàng tồn kho	141		268.098.555.049	274.062.977.047
Tài sản ngắn hạn khác	150		9.421.674.243	13.159.701.564
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	6	1.253.637.013	2.274.126.892
Thuế GTGT được khấu trừ	152		8.154.137.942	10.818.382.153
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	16	13.899.288	67.192.519
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		199.493.768.245	189.045.055.761
Các khoản phải thu dài hạn	210		269.344.796	657.435.043
Phải thu dài hạn khác	216	8	269.344.796	657.435.043
Tài sản cố định	220		149.518.307.768	134.272.740.097
Tài sản cố định hữu hình	221	9	98.950.001.361	80.350.837.970
- Nguyên giá	222		146.490.550.778	119.357.583.684
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(47.540.549.417)	(39.006.745.714)
Tài sản cố định thuê tài chính	224	10	3.239.123.564	9.422.542.688
- Nguyên giá	225		5.001.217.521	13.796.893.307
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(1.762.093.957)	(4.374.350.619)
Tài sản cố định vô hình	227	11	47.329.182.843	44.499.359.439
- Nguyên giá	228		54.580.807.444	51.132.457.444
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(7.251.624.601)	(6.633.098.005)
Tài sản dở dang dài hạn	240		45.711.988.246	48.538.638.134
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	12	45.711.988.246	48.538.638.134
Tài sản dài hạn khác	260		3.994.127.435	5.576.242.487
Chi phí trả trước dài hạn	261	6	3.964.045.041	5.560.025.393
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		30.082.394	16.217.094
TỔNG TÀI SẢN	270		717.586.321.475	677.193.746.241

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP)
 Tại ngày 30/06/2018

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2018	01/01/2018
			VND	VND
NỢ PHẢI TRẢ	300		388.735.036.074	333.759.909.120
Nợ ngắn hạn	310		376.759.651.309	321.823.418.146
Phải trả người bán ngắn hạn	311	15	27.569.675.770	43.400.158.838
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		2.456.043.483	1.844.564.108
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	16	1.736.940.274	1.737.399.455
Phải trả người lao động	314		4.195.556.731	5.995.106.987
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	13	2.428.935.305	4.269.081.448
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		1.663.193	-
Phải trả ngắn hạn khác	319	14	27.876.981.017	421.328.990
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	17	309.130.422.349	263.147.624.033
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1.363.433.187	1.008.154.287
Nợ dài hạn	330		11.975.384.765	11.936.490.974
Phải trả dài hạn khác	337	14	290.738.000	263.238.000
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	17	11.684.646.765	11.673.252.974
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		328.851.285.401	343.433.837.121
Vốn chủ sở hữu	410	18	328.851.285.401	343.433.837.121
Vốn góp của chủ sở hữu	411		275.792.000.000	275.792.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		275.792.000.000	275.792.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		(250.000.000)	(250.000.000)
Quỹ đầu tư phát triển	418		8.175.955.129	6.044.281.728
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		45.133.330.272	61.847.555.393
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		31.505.403.092	26.319.665.380
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		13.627.927.180	35.527.890.013
TỔNG NGUỒN VỐN	440		717.586.321.475	677.193.746.241



Huỳnh Văn Hòa
 Tổng Giám đốc
 TP. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 08 năm 2018

Ngô Thị Thanh Lan
 Kế toán trưởng

Lê Thị Tuyết
 Người lập

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2018	Từ 01/01/2017
			đến 30/06/2018	đến 30/06/2017
			VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	19	374.666.638.133	460.491.140.136
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	20	8.532.726.637	11.708.662.963
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		366.133.911.496	448.782.477.173
Giá vốn hàng bán	11	21	303.272.894.458	393.724.918.289
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		62.861.017.038	55.057.558.884
Doanh thu hoạt động tài chính	21	22	1.360.464.642	542.640.929
Chi phí tài chính	22	23	9.818.333.521	8.534.263.502
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>8.887.809.004</i>	<i>8.236.956.116</i>
Chi phí bán hàng	25	24	28.119.864.346	23.965.759.446
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	24	11.502.529.858	8.426.193.585
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		14.780.753.955	14.673.983.280
Thu nhập khác	31	25	1.014.732.622	359.102.501
Chi phí khác	32	26	399.709.162	487.399.485
Lợi nhuận khác	40		615.023.460	(128.296.984)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		15.395.777.415	14.545.686.296
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	27	1.781.715.535	1.049.628.614
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	28	(13.865.300)	5.038.958
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		13.627.927.180	13.491.018.724
Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		13.627.927.180	13.491.018.724
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		-	-
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	29	494	669
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	30	494	489



Huỳnh Văn Hòa
Tổng Giám đốc
TP. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 08 năm 2018

Ngô Thị Thanh Lan
Kế toán trưởng

Lê Thị Tuyết
Người lập

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

Chỉ tiêu	Mã Thuyết số minh	Từ 01/01/2018	Từ 01/01/2017
		đến 30/06/2018	đến 30/06/2017
		VND	VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
Lợi nhuận trước thuế	01	15.395.777.415	14.545.686.296
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	6.540.073.637	5.928.525.538
(Lãi) hoạt động đầu tư	05	(42.004.811)	(542.640.929)
Chi phí lãi vay	06	8.887.809.004	8.236.956.116
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	30.781.655.245	28.168.527.021
(Tăng) các khoản phải thu	09	(6.969.523.760)	(10.734.217.310)
(Tăng) hàng tồn kho	10	5.964.421.998	(51.174.483.333)
(Giảm)/Tăng các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(43.633.806.103)	(46.192.740.302)
Tăng/(Giảm) chi phí trả trước	12	(777.157.819)	(3.068.906.359)
Tiền lãi vay đã trả	14	(9.063.282.124)	(8.344.311.616)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(1.865.862.430)	(1.657.815.810)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	168.093.261
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	-	(257.867.100)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(25.563.554.993)	(93.093.721.548)
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(6.425.241.385)	(9.201.830.657)
Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	42.004.811	542.640.929
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(6.383.236.574)	(8.659.189.728)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (TIẾP)

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

Chỉ tiêu	Mã Thuyết số minh	Từ 01/01/2018	Từ 01/01/2017
		đến 30/06/2018	đến 30/06/2017
		VND	VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
Tiền thu từ đi vay	33	322.735.557.756	279.889.180.111
Tiền trả nợ gốc vay	34	(274.093.215.098)	(176.489.912.810)
Tiền chi trả nợ gốc thuê tài chính	35	(2.374.903.417)	(1.454.774.598)
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(248.000.000)	(248.400.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	46.019.439.241	101.696.092.703
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	14.072.647.674	(56.818.573)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60 4	38.242.168.257	26.633.710.180
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70 4	52.314.815.931	26.576.891.607



Huỳnh Văn Hòa
Tổng Giám đốc
TP. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 08 năm 2018

Ngô Thị Thanh Lan
Kế toán trưởng

Lê Thị Tuyết
Người lập

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1 HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN

Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0307526635, đăng ký lần đầu ngày 04 tháng 03 năm 2009 và đăng ký thay đổi lần thứ 19 ngày 17 tháng 01 năm 2018 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: 225.792.000.000 đồng (Hai trăm hai mươi lăm tỷ bảy trăm chín mươi hai triệu đồng).

Cổ phiếu của Công ty đã được niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) từ ngày 21 tháng 01 năm 2013 với mã chứng khoán là SHA. Ngày 23/11/2016, Công ty đã hủy niêm yết trên Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội để chuyển sang đăng ký niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh (HOSE).

Trụ sở hoạt động

Địa chỉ : 292/5 ấp Tam Đông 2, Xã Thới Tam Thôn, Huyện Hóc Môn, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.
Điện thoại : (84-8) 3710 0101
Fax : (84-8) 6251 9574
Mã số thuế : 0307526635

Các đơn vị trực thuộc:

Tên đơn vị	Địa chỉ
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn- Khu Công nghiệp Tân Bình Mã số chi nhánh: 0307526635-002	Lô III-3A đường số 1, khu công nghiệp Tân Bình, phường Tây Thạnh, quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh.
- Chi nhánh Lâm Đồng - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn Mã số chi nhánh: 0307526635-003	1024 quốc lộ 20, thị trấn Liên Nghĩa, huyện Đức Trọng, Tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam.
- Chi nhánh Bình Dương - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn Mã số chi nhánh: 0307526635-005	Đại lộ Bình Dương, phường Định Hòa, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam.
- Chi nhánh Đắk Nông - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn Mã số chi nhánh: 0307526635-008	Thửa số 251, tờ bản đồ số 03, tổ 4, Phường Nghĩa Phú, Thị xã Gia Nghĩa, Tỉnh Đắk Nông, Việt Nam.
- Chi nhánh Cần Thơ - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn Mã số chi nhánh: 0307526635-009	81 Quốc lộ 1A, Tổ 61, Khu phố 11, Phường Hưng Phú, Quận Cái Răng, Thành phố Cần Thơ, Việt Nam.
- Chi nhánh Bà Rịa - Vũng Tàu - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn Mã số chi nhánh: 0307526635-0010	1798 Võ Nguyên Giáp, Phường 12, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam.
- Chi nhánh Kiên Giang - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn Mã số chi nhánh: 0307526635-0011	Số 477, ấp Minh Phong, Xã Bình An, Huyện Châu Thành, Tỉnh Kiên Giang, Việt Nam.
- Chi nhánh Long Khánh - Đồng Nai - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn Mã số chi nhánh: 0307526635-012	Số 81, đường 21/4, ấp Cẩm Tân, Xã Xuân Tân, Thị xã Long Khánh, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.
- Chi nhánh Đắk Lắk - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn Mã số chi nhánh: 0307526635-013	Số 7B, Quốc lộ 14, buôn Cour Đăng A, Xã Cour Đăng, Huyện Cư M'gar, Đắk Lắk Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP (TIẾP)

1.1 HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN (TIẾP)

<u>Tên đơn vị</u>	<u>Địa chỉ</u>
- Chi nhánh Khánh Hòa - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn Mã số chi nhánh: 0307526635-007	50 Quốc lộ 1A, Thôn Cư Thạnh, Xã Suối Hiệp, Huyện Diên Khánh, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam
- Chi nhánh Bình Phước - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn Mã số chi nhánh: 0307526635-014	ĐT.741, ấp 1, Xã Tiến Hưng, Thị xã Đồng Xoài, Tỉnh Bình Phước, Việt Nam.
- Chi nhánh An Giang - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn. Mã số chi nhánh: 0307526635-0015	572 Quốc lộ 91, Ấp Bình Phú 2, Xã Bình Hòa, Huyện Châu Thành, Tỉnh An Giang
- Chi nhánh Tiền Giang - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn. Mã số chi nhánh: 0307526635-0016	Số 5/4 Quốc lộ 50, Ấp Mỹ Lợi, Xã Mỹ Phong, Thành Phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang.
- Chi nhánh Biên Hòa - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn. Mã số chi nhánh: 0307526635-0017	Số 9-11, Lô A10, GĐCB- QĐ4, Phường Tân Phong, TP Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai
- Chi nhánh Bình Thuận - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn. Mã số chi nhánh: 0307526635-0018	Km số 6, Thôn Phú Khánh, Xã Hàm Mỹ, Huyện Hàm Thuận Nam, Tỉnh Bình Thuận.
- Chi nhánh Buôn Mê Thuột - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn. Mã số CN: 0307526635-0020	18 Thôn 13, Xã Hòa Khánh, TP. Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk.
- Chi nhánh Eakar - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn. Mã số chi nhánh: 0307526635-0019	Km 56, QL 26, Buôn Tân Sinh, xã Ea Đar, Huyện Eakar, Tỉnh Đắk Lắk.
- Chi nhánh Bình Long - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn. Mã số chi nhánh: 0307526635-0021	Quốc lộ 13, Tổ 10, Ấp Phú Long, Xã Thanh Phú, Thị xã Bình Long, Tỉnh Bình Phước.
- Chi nhánh Bến Tre - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn. Mã số chi nhánh: 0307526635-0023	93 Đ, Ấp Bình Thành, xã Bình Phú, TP. Bến Tre, Tỉnh Bến Tre.
- Chi nhánh Tây Ninh - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn. Mã số chi nhánh: 0307526635-0025	Tổ 17A, Ấp Hiệp Trường, Xã Hiệp Tân, Huyện Hòa Thành, Tỉnh Tây Ninh.
- Chi nhánh Đồng Tháp - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn. Mã số chi nhánh: 0307526635-0024	Số 425A, Quốc lộ 30, Tổ 13, Ấp An Định, Xã An Bình, Huyện Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp
- Chi nhánh Cà Mau - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn. Mã số chi nhánh: 0307526635-0026	Thửa đất số 31, Khu A3, Đường Số 01, Phường 1, TP Cà Mau, Tỉnh Cà Mau
- Chi nhánh Bạc Liêu - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn. Mã số chi nhánh: 0307526635-0027	Số 41 Nguyễn Thái Học, Khóm 10, Phường 1, TP Bạc Liêu, Tỉnh Bạc Liêu
- Chi nhánh Ninh Thuận - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn. Mã số chi nhánh: 0307526635-0028	Số 03, Đường Lê Duẩn, KP3, P.Đài Sơn, TP Nha Trang - Tháp chàm, Tỉnh Ninh Thuận.
- Chi nhánh Trà Vinh - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn. Mã số chi nhánh: 0307526635-0029	Ấp Chợ, Xã Phương Thạnh, Huyện Càng Long, Tỉnh Trà Vinh, Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP (TIẾP)

1.1 HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN (TIẾP)

<u>Tên đơn vị</u>	<u>Địa chỉ</u>
- Chi nhánh Long An - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn. Mã số chi nhánh: 0307526635-0030	Ấp Đồng Tâm. Xã Long Trạch, huyện Cần Đức, Tỉnh Long An, Việt Nam

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2018 Công ty có 303 nhân viên đang làm việc (tại ngày 31/12/2017 là 308 nhân viên).

1.2 NGÀNH NGHỀ KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CHÍNH

Ngành nghề kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Công ty là :

- Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại;
- Sản xuất hàng may sẵn (trừ trang phục); Sản xuất trang phục dệt kim, đan móc; May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú); Sản xuất giày dép; Sản xuất sản phẩm từ da lông thú;
- Sản xuất máy thông dụng khác;
- Sản xuất thiết bị điện chiếu sáng, sản xuất đồ điện dân dụng;
- Sản xuất bao bì bằng gỗ;
- Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rom, rạ và vật liệu tết bện;
- Lắp đặt hệ thống điện, hệ thống xây dựng khác;
- Sản xuất sản phẩm hóa chất chưa được phân vào đâu;
- Điều hành tour du lịch, đại lý du lịch, dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tour du lịch;
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ, xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng, đồ dùng khác cho gia đình;
- Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét; Sản xuất các cấu kiện kim loại; Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế; Đúc sắt, thép;
- Vận tải hành khách bằng đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt);
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Sản xuất đồ gỗ xây dựng;
- Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Hoạt động của các cơ sở vận tải như đi du thuyền; Cho thuê các thiết bị thư giãn như là một phần của các phương tiện giải trí; Hoạt động hội chợ và trưng bày các đồ giải trí mang tính chất giải trí tự nhiên; Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động
- Sản xuất lò nướng, lò luyện và lò nung; Sản xuất sắt, thép, gang;
- Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác;
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí (không gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở) (trừ lắp đặt các thiết bị lạnh, thiết bị cấp đông, kho lạnh, máy đá, điều hòa không khí, làm lạnh nước) sử dụng ga lạnh trong lĩnh vực chế biến thủy hải sản;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP (TIẾP)

1.2. NGÀNH NGHỀ KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CHÍNH (TIẾP)

- Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Xây dựng nhà các loại, công trình công ích;
- Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn. Chi tiết: sửa chữa thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại hư, lỗi của doanh nghiệp sản xuất; Sửa chữa đồ dùng gia đình;
- Kinh doanh bất động sản và quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê.

Hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty trong năm là: Sản xuất thùng, bể chứa, dụng cụ chứa đựng bằng kim loại và kinh doanh hàng gia dụng, hàng công nghiệp.

1.3. CHU KỲ SẢN XUẤT KINH DOANH THÔNG THƯỜNG

Chu kỳ sản xuất kinh doanh của Công ty trong vòng 12 tháng.

1.4. CẤU TRÚC CÔNG TY

Tên Công ty con	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty TNHH MTV	Khu công nghiệp Bắc Chu Lai, Xã Tam	100%	100%
Quốc tế Sơn Hà Chu Lai	Hiệp, Huyện Núi Thành, Quảng Nam		

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO VÀ NĂM TÀI CHÍNH

2.1. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng đồng Việt Nam (VND), phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 sửa đổi bổ sung của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 về hướng dẫn phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Sơn Hà (Công ty mẹ) và Công ty TNHH MTV Quốc tế Sơn Hà Chu Lai. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của Công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi đánh giá quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng hiện đang có hiệu lực hay sẽ được chuyển đổi.

Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở Công ty con đó.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO VÀ NĂM TÀI CHÍNH (TIẾP)

2.1 CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

Trong trường hợp chính sách kế toán của Công ty con khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của Công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng để lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các Công ty trong Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

2.2 NĂM TÀI CHÍNH

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm Dương lịch. Báo cáo tài chính hợp nhất này được lập cho giai đoạn từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là những chính sách kế toán quan trọng được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này:

3.1 ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN

Việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các khoản công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3.2 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Tiền mặt và các khoản tương đương tiền mặt bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có khả năng thanh khoản cao. Các khoản đầu tư có khả năng thanh khoản cao là các khoản đầu tư có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng và có khả năng chuyển đổi thành các khoản tiền mặt xác định tại ngày báo cáo và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

3.3 ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Tổng Giám đốc Công ty có ý định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn, bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn, trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trình bày theo giá trị thấp hơn giữa giá gốc và giá trị có thể thu hồi được. Trường hợp có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được, số tổn thất do không thu hồi được phải được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.4 CÁC KHOẢN PHẢI THU VÀ DỰ PHÒNG NỢ PHẢI THU KHÓ ĐÒI

Các khoản phải thu **gồm**: các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán và các khoản phải thu **khác** tại thời điểm báo cáo.

Các khoản phải thu **được** trình bày theo giá gốc và dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng nợ phải thu khó đòi **được** Công ty trích lập đối với các khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, bản cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ, doanh nghiệp đã đòi nhiều lần nhưng **vẫn** chưa thu hồi được, việc xác định thời gian quá hạn của khoản nợ phải thu **được** xác định căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua, bán ban đầu, không tính đến việc **gia** hạn nợ giữa các bên; hoặc đối với các khoản nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng **khách** nợ đã lâm vào trình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn và **được** hoàn nhập khi thu hồi được nợ phù hợp theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 và Thông tư sửa đổi bổ sung số 89/2013/TT-BTC ngày 28/06/2013 của Bộ Tài chính. Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng phải thu khó đòi **được** hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm.

3.5 HÀNG TỒN KHO

Hàng tồn kho **được** xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc của hàng tồn kho bao gồm các khoản chi phí để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại, bao gồm: giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng, hao hụt định mức, và các chi phí khác có liên **quan** trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho. Giá xuất của nguyên vật liệu, hàng hóa, thành phẩm **được** tính theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (nếu có) của Công ty **được** trích lập khi có những bằng chứng tin cậy về sự suy giảm của giá trị thuần có thể thực hiện được so với giá gốc của hàng tồn kho. Giá trị **thuần** có thể thực hiện được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho **được** hạch toán vào giá vốn hàng bán trong năm.

3.6 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH VÀ HAO MÒN

Tài sản cố định hữu **hình** **được** trình bày theo nguyên giá và giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Đối với các tài sản cố định đã đưa vào sử dụng nhưng chưa có quyết toán chính thức sẽ **được** tạm ghi tăng nguyên giá tài sản cố định và trích khấu hao, khi có quyết toán chính thức sẽ điều chỉnh lại nguyên giá và khấu hao tương ứng.

Chi phí liên quan đến tài sản cố định hữu hình phát sinh sau ghi nhận ban đầu phải **được** ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho tài sản cố định hữu hình tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động **được** đánh giá ban đầu thì **được** ghi tăng nguyên giá tài sản cố định hữu hình.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.6 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH VÀ HAO MÒN (TIẾP)

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

Nhóm tài sản	Thời gian khấu hao (năm)
Nhà xưởng, vật kiến trúc	03 – 46
Máy móc, thiết bị	04 – 09
Phương tiện vận tải	04 – 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 05

Công ty áp dụng tính và trích khấu hao tài sản cố định theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 25/04/2013 và Thông tư số 147/2016/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 13/10/2016 sửa đổi bổ sung về việc quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

3.7 THUÊ TÀI SẢN

Một khoản thuê được xem là thuê tài chính khi phần lớn các quyền lợi và rủi ro về quyền sở hữu tài sản được chuyển sang cho người đi thuê. Tất cả các khoản thuê khác được xem là thuê hoạt động.

Tài sản thuê tài chính được ghi nhận như tài sản của Công ty theo giá trị hợp lý tại ngày thuê tài sản, hoặc nếu thấp hơn, theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Khoản công nợ phải trả cho bên cho thuê (nợ gốc) phát sinh được phản ánh trong số dư phải trả về thuê tài chính trên Bảng Cân đối kế toán. Khoản tiền lãi trong các khoản thanh toán tiền thuê được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh trong thời gian thuê theo lãi suất cố định trên số dư còn lại của khoản nợ thuê tài chính phải trả còn lại cho từng kỳ kế toán.

Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh phát sinh trong suốt thời gian thuê theo phương pháp đường thẳng.

Các tài sản đi thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính tương tự như áp dụng với tài sản thuộc sở hữu của Công ty hoặc trên thời gian đi thuê, trong trường hợp thời gian này ngắn hơn, cụ thể như sau:

Nhóm tài sản	Thời gian khấu hao (năm)
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	10

3.8 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH VÀ HAO MÒN

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá và hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ, ... Quyền sử dụng đất được khấu hao theo thời gian giao đất (từ 42 đến 47 năm).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.8 TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH VÀ HAO MÒN (TIẾP)

Phần mềm máy tính

Giá mua phần mềm **máy** tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phần gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hoá và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 5 năm.

3.9 CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm các tài sản là các thiết bị đang trong quá trình đầu tư mua sắm và lắp đặt, chưa đưa vào sử dụng, các công trình xây dựng cơ bản đang trong quá trình xây dựng chưa được nghiệm thu và đưa vào sử dụng tại thời điểm khóa sổ lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc. Giá gốc này bao gồm: chi phí hàng hóa, dịch vụ phải trả cho các nhà thầu, người cung cấp, chi phí lãi vay có liên quan trong giai đoạn đầu tư và các chi phí hợp lý khác liên quan trực tiếp đến việc hình thành tài sản sau này. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

3.10 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

Chi phí xây dựng các showroom, chi phí sửa chữa tài sản, chi phí bảo hiểm tài sản

Được phân bổ vào chi phí trong kỳ theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

Chi phí quảng cáo, thuê nhà

Chi phí quảng cáo thuê nhà được phân bổ theo thời hạn quy định trên hợp đồng quảng cáo và hợp đồng cho thuê nhà.

3.11 CHI PHÍ PHẢI TRẢ

Các khoản phải trả phát sinh do mua hàng hoá, dịch vụ đã nhận được từ nhà cung cấp và được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh của kỳ báo cáo nhưng chưa có hoá đơn, hoặc chưa có đầy đủ hồ sơ tài liệu kế toán.

3.12 VỐN CHỦ SỞ HỮU

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Các quỹ dự trữ thuộc vốn chủ sở hữu được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo quyết định của Đại hội cổ đông.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.12 VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của Công ty sau khi trừ các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

3.13 GHI NHẬN DOANH THU

Doanh thu được xác định khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn. Doanh thu thuần được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại. Đồng thời doanh thu được ghi nhận khi thoả mãn các điều kiện sau:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch hàng hoá được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi giao hàng và chuyển quyền sở hữu cho người mua, khách hàng chấp nhận thanh toán và xác định được các chi phí liên quan đến giao dịch này. Doanh thu không được ghi nhận khi có yếu tố không chắc chắn mang tính trọng yếu về khả năng thu được tiền bán hàng hoặc về khả năng hàng bán bị trả lại.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả giao dịch và cung ứng dịch vụ được xác định một cách đáng tin cậy, Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này (được ghi nhận khi có bằng chứng về sản lượng dịch vụ cung cấp được hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính) và xác định được chi phí phát sinh và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Đối với những trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ kế toán, doanh thu được xác định trên kết quả phân công việc đã thực sự hoàn thành trong kỳ.

Doanh thu không được ghi nhận khi có yếu tố không chắc chắn mang tính trọng yếu về khả năng thu hồi khoản phải thu.

Doanh thu hoạt động tài chính

Lãi tiền gửi ngân hàng được ghi nhận dựa trên thông báo hàng kỳ của ngân hàng, lãi cho vay được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

3.14 CHI PHÍ ĐI VAY

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.15 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Thuế giá trị gia tăng (VAT)

Doanh thu bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ chịu thuế suất 10%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp (nếu có) thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ. Thuế thu nhập doanh nghiệp được tính theo thuế suất có hiệu lực được áp dụng là 20% tính trên thu nhập chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

3.16 CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, các khoản tương đương tiền, các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn và dài hạn, các khoản phải thu ngắn hạn và dài hạn khác.

Nợ phải trả tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả phải nộp khác và các khoản vay ngắn hạn, dài hạn.

Đánh giá lại sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ cho nhau trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận và Công ty có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.17 BÁO CÁO THEO BỘ PHẬN

Bộ phận được báo cáo là một bộ phận có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan (Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh) hoặc tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (Bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính hợp nhất nội bộ của Công ty do các hoạt động kinh doanh của Công ty được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ do Công ty cung cấp với mỗi một bộ phận là một đơn vị kinh doanh cung cấp các sản phẩm khác nhau và phục vụ cho các thị trường khác nhau.

3.18 BÊN LIÊN QUAN

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Bên liên quan bao gồm:

- Những doanh nghiệp có quyền kiểm soát, hoặc bị kiểm soát trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua một hoặc nhiều bên trung gian, hoặc dưới quyền bị kiểm soát chung với Công ty gồm Công ty mẹ, các công ty con cùng Tập đoàn, các bên liên doanh, cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát, các công ty liên kết.
- Các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết ở các doanh nghiệp Báo cáo dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp này, các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của Công ty kể cả các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này.
- Các doanh nghiệp do các cá nhân được nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp quyền biểu quyết hoặc người đó có thể có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp.

Khi xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý tới chứ không phải chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

Theo đó, các bên liên quan của Công ty là Công ty TNHH MTV Công nghiệp Sơn Hà, Công ty TNHH MTV Quốc tế Sơn Hà Chu Lai các Công ty con cùng Tập đoàn Công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà, các thành viên trong Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty các Công ty do Chủ tịch, Cổ đông lớn của Công ty đứng tên sở hữu. Tất cả các giao dịch và số dư với các bên liên quan phát sinh giai đoạn từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018 được Công ty trình bày tại các thuyết minh dưới đây.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30/06/2018	01/01/2018
	VND	VND
Tiền mặt	6.858.533.729	3.856.907.309
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	45.456.282.202	34.385.260.948
	52.314.815.931	38.242.168.257

5. HÀNG TỒN KHO

	30/06/2018		01/01/2018	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng đang đi trên đường	-	-	40.718.408.252	-
Nguyên liệu, vật liệu	112.616.733.934	-	85.872.972.438	-
Công cụ, dụng cụ	183.814.739	-	167.299.542	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	10.706.075.710	-	9.041.976.931	-
Thành phẩm	44.923.298.393	-	39.168.629.836	-
Hàng hóa	99.639.099.273	-	99.093.690.048	-
	268.098.555.049	-	274.062.977.047	-

Hàng tồn kho có giá trị 68.439.020.653 đồng cho các khoản vay của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam – Phòng giao dịch Phan Văn Hớn

6. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	30/06/2018	01/01/2018
	VND	VND
Ngắn hạn	1.253.637.013	2.274.126.892
- Chi phí trả trước về thuê kho	612.892.575	978.323.754
- Công cụ, dụng cụ xuất dùng	473.196.291	912.291.516
- Chi phí trả trước ngắn hạn khác	167.548.147	383.511.622
Dài hạn	3.964.045.041	5.560.025.393
- Công cụ, dụng cụ xuất dùng	1.860.563.382	1.303.766.475
- Chi phí sửa chữa	70.407.357	65.388.748
- Tiền thuê đất tại Quảng Nam	-	1.000.000.000
- Chi phí mua bảo hiểm	37.480.194	46.825.182
- Các khoản khác	1.995.594.108	3.144.044.988
	5.217.682.054	7.834.152.285

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

7. PHẢI THU KHÁCH HÀNG

	30/06/2018		01/01/2018	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Ngắn hạn	165.267.874.773	(1.761.084.750)	151.176.270.852	(1.761.084.750)
- Cửa hàng Quý Sơn Hà 2	938.373.216	(938.373.217)	938.373.216	(938.373.217)
- Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Đại Phong Phú	822.711.533	(822.711.533)	822.711.533	(822.711.533)
- Công ty Cổ Phần Đầu Tư Phát Triển Thương Mại Tổng Hợp Sơn Hà	21.298.414.402	-	13.917.409.009	-
- Công ty TNHH Thương Mại và Dịch Vụ Tổng Hợp Sao Phương Nam	5.312.777.177	-	10.112.777.177	-
- Công ty Cổ Phần Quốc tế Sơn Hà	3.312.192.616	-	3.273.312.676	-
- Công ty TNHH Thương Mại Dịch Vụ Và Phát Triển Hưng Thịnh	25.567.485.831	-	11.057.507.472	-
- Công Ty TNHH Xuất Nhập Khẩu Kim Loại Vina	15.000.029.220	-	28.314.181.000	-
- Công ty TNHH Kinh Doanh Tổng Hợp Trần Gia Phát	15.109.352.595	-	11.616.906.415	-
- Các đối tượng khác	77.906.538.183	-	71.123.092.354	-
Dài hạn	-	-	-	-
	165.267.874.773	(1.761.084.750)	151.176.270.852	(1.761.084.750)
Phải thu của khách hàng là các bên liên quan	24.610.607.018	-	17.190.721.685	-
- Công ty Cổ Phần Quốc Tế Sơn Hà	3.312.192.616	-	3.273.312.676	-
- Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Thương mại Tổng hợp Sơn Hà	21.298.414.402	-	13.917.409.009	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

8. PHẢI THU KHÁC

	30/06/2018		01/01/2018	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Ngắn hạn	2.954.680.503	-	2.294.747.196	-
- Tạm ứng cho cán bộ công nhân viên	2.662.227.935	-	1.897.027.528	-
- Ký cược, ký quỹ	43.400.000	-	43.400.000	-
- Kinh phí công đoàn	1.975.791	-	-	-
- Bảo hiểm xã hội	152.088.524	-	121.019.849	-
- Các khoản phải thu khác ngắn hạn	94.988.253	-	233.299.819	-
Dài hạn	269.344.796	-	657.435.043	-
- Ký cược, ký quỹ	269.344.796	-	657.435.043	-
	3.224.025.299	-	2.952.182.239	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

9. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dung cụ quản lý	Cộng
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
NGUYÊN GIÁ					
01/01/2018	45.325.842.259	27.691.591.343	41.240.147.714	5.100.002.368	119.357.583.684
- Mua trong kỳ	-	604.985.985	1.416.991.905	631.491.600	2.653.469.490
- Chuyển từ tài sản thuê tài chính sang	-	4.192.905.022	4.625.770.764	-	8.818.675.786
- Đầu tư XD CB hoàn thành	15.660.821.818	-	-	-	15.660.821.818
30/06/2018	60.986.664.077	32.489.482.350	47.282.910.383	5.731.493.968	146.490.550.778
HAO MÒN LŨY KẾ					
01/01/2018	(8.816.018.094)	(16.764.937.353)	(11.064.856.390)	(2.360.933.877)	(39.006.745.714)
- Khấu hao trong kỳ	(1.072.704.776)	(1.580.490.260)	(2.153.587.935)	(423.468.359)	(5.230.251.330)
- Chuyển từ tài sản thuê tài chính sang	-	(1.843.791.510)	(1.459.760.863)	-	(3.303.552.373)
30/06/2018	(9.888.722.870)	(20.189.219.123)	(14.678.205.188)	(2.784.402.236)	(47.540.549.417)
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
01/01/2018	36.509.824.165	10.926.653.990	30.175.291.324	2.739.068.491	80.350.837.970
30/06/2018	51.097.941.207	12.300.263.227	32.604.705.195	2.947.091.732	98.950.001.361

Tại ngày 30/06/2018, Tài sản cố định công trình văn phòng và nhà xưởng tại 292/5 ấp Tam Đông 2, Thới Tam Thôn, huyện Hóc Môn, TP. Hồ Chí Minh và phương tiện vận tải có nguyên giá và giá trị còn lại theo sổ sách lần lượt là 21.674.669.002 đồng và 15.997.688.099 đồng đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của ngân hàng. Giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình dùng để thế chấp, cầm cố, bảo đảm khoản vay tại Công ty TNHH MTV Quốc tế Sơn Hà - Chu Lai tại 30/06/2018 là: 3.542.381.552 đồng.

Nguyên giá tài sản cố định cuối kỳ đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30/06/2018: 4.758.769.270 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH

	Phương tiện vận tải truyền dẫn <u>VND</u>	Cộng <u>VND</u>
NGUYÊN GIÁ		
01/01/2018	13.796.893.307	13.796.893.307
- Mua lại TSCĐ thuê tài chính	(8.795.675.786)	(8.795.675.786)
30/06/2018	<u>5.001.217.521</u>	<u>5.001.217.521</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN		
01/01/2018	(4.374.350.619)	(4.374.350.619)
- Khấu hao trong kỳ	(691.295.711)	(691.295.711)
- Mua lại TSCĐ thuê tài chính	3.303.552.373	3.303.552.373
30/06/2018	<u>(1.762.093.957)</u>	<u>(1.762.093.957)</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
01/01/2018	<u>9.422.542.688</u>	<u>9.422.542.688</u>
30/06/2018	<u>3.239.123.564</u>	<u>3.239.123.564</u>

11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất <u>VND</u>	Phần mềm máy vi tính <u>VND</u>	Cộng <u>VND</u>
NGUYÊN GIÁ			
01/01/2018	50.612.725.444	519.732.000	51.132.457.444
- Mua trong kỳ	3.448.350.000	-	3.448.350.000
30/06/2018	<u>54.061.075.444</u>	<u>519.732.000</u>	<u>54.580.807.444</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN			
01/01/2018	(6.338.327.786)	(294.770.219)	(6.633.098.005)
- Khấu hao trong kỳ	(559.220.052)	(59.306.544)	(618.526.596)
30/06/2018	<u>(6.897.547.838)</u>	<u>(354.076.763)</u>	<u>(7.251.624.601)</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
01/01/2018	<u>44.274.397.658</u>	<u>224.961.781</u>	<u>44.499.359.439</u>
30/06/2018	<u>47.163.527.606</u>	<u>165.655.237</u>	<u>47.329.182.843</u>

Quyền sử dụng đất 7.064,7 m² tại Xã Thới Tam Thôn, huyện Hóc Môn, TP. Hồ Chí Minh đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Kỳ Đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

12. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒ DANG

	30/06/2018	01/01/2018
	VND	VND
Quyền sử dụng đất (*)	31.076.093.700	31.076.093.700
Nhà máy mở rộng - Sơn Hà Chu Lai	14.583.167.273	17.409.817.161
Tiền thuê đất tại Quảng Nam	52.727.273	52.727.273
	45.711.988.246	48.538.638.134

(*) Bao gồm:

- Quyền sử dụng đất 5.786,5 m² tại xã Thới Tam Thôn, Huyện Hóc Môn, TP. Hồ Chí Minh. Giá trị chuyển nhượng số tiền: 25.072.093.700 đồng từ năm 2014 đến nay chưa hoàn tất các thủ tục pháp lý để được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.
- Quyền sử dụng đất 1.000 m² tại thửa đất số 642, 112/1 ấp Tam Đông, xã Thới Tam Thôn, Huyện Hóc Môn, TP. Hồ Chí Minh. Giá trị chuyển nhượng số tiền: 6.000.000.000 đồng. Hiện Công ty đang hoàn tất các thủ tục pháp lý để được cấp Giấy Chứng nhận quyền sử dụng đất.

13. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	30/06/2018	01/01/2018
	VND	VND
Ngắn hạn	2.428.935.305	4.269.081.448
- Chi phí trích trước hàng khuyến mại	-	1.210.524.174
- Chi phí vận chuyển bằng xe máy	10.811.640	-
- Chi phí tiền lương Văn phòng tháng 06/2018	672.911.527	-
- Chi phí công tác, xăng dầu, khác	1.721.937.776	2.781.873.333
- Chi phí lãi vay	-	276.683.941
- Các khoản trích trước khác	23.274.362	-
Dài hạn	-	-
	2.428.935.305	4.269.081.448

14. PHẢI TRẢ KHÁC

	30/06/2018	01/01/2018
	VND	VND
Ngắn hạn	27.876.981.017	421.328.990
- Tài sản thừa chờ giải quyết	76.582.439	36.079.440
- Kinh phí công đoàn	33.423.101	62.664.001
- Cổ tức phải trả	27.552.190.524	-
- Bảo hiểm xã hội	68.094.750	-
- Bảo hiểm y tế	8.030.490	-
- Bảo hiểm thất nghiệp	2.515.260	-
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	136.144.453	322.585.549
Dài hạn	290.738.000	263.238.000
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	290.738.000	263.238.000
	28.167.719.017	684.566.990

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HÀ SÀI GÒN
292/5 ấp Tam Đông 2, xã Thới Tam Thôn, Huyện Hóc Môn, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

15. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	30/06/2018		01/01/2018	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Ngắn hạn	27.569.675.770	27.569.675.770	43.400.158.838	43.400.158.838
- Công ty TNHH Posco VST	12.528.935.999	12.528.935.999	14.852.041.528	14.852.041.528
- Công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà	1.028.283.925	1.028.283.925	846.096.453	846.096.453
- Công ty Cổ phần Phát Triển Năng Lượng Sơn Hà	3.454.266.967	3.454.266.967	5.435.666.923	5.435.666.923
- Công ty Cổ phần Toàn Thắng	-	-	3.756.350.581	3.756.350.581
- Công ty TNHH Một Thành Viên Sơn Hà SSP Việt Nam	4.721.096.114	4.721.096.114	15.211.400.004	15.211.400.004
- Công ty TNHH MTV Thiết bị Nhà bếp Sơn Hà (SHK)	1.446.587.984	1.446.587.984	743.882.000	743.882.000
- Các đối tượng khác	4.390.504.781	4.390.504.781	2.554.721.349	2.554.721.349
Dài hạn	-	-	-	-
Phải trả người bán là các bên liên quan	10.650.234.990	10.650.234.990	22.237.045.380	22.237.045.380
- Công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà	1.028.283.925	1.028.283.925	846.096.453	846.096.453
- Công ty Cổ phần Phát Triển Năng Lượng Sơn Hà	3.454.266.967	3.454.266.967	5.435.666.923	5.435.666.923
- Công ty TNHH Một Thành Viên Sơn Hà SSP Việt Nam	4.721.096.114	4.721.096.114	15.211.400.004	15.211.400.004
- Công ty TNHH MTV Thiết bị Nhà bếp Sơn Hà (SHK)	1.446.587.984	1.446.587.984	743.882.000	743.882.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/ PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

Thuế và các khoản phải nộp

- Thuế giá trị gia tăng phải nộp
- Thuế thu nhập doanh nghiệp
- Thuế thu nhập cá nhân
- Các loại thuế khác

	01/01/2018	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	30/06/2018
	VND	VND	VND	VND
	495.397.808	2.294.062.611	2.236.993.937	552.466.482
	1.203.411.194	1.781.715.535	1.865.862.430	1.119.264.299
	38.590.453	401.807.432	375.188.392	65.209.493
	-	36.745.482	36.745.482	-
	1.737.399.455	4.514.331.060	4.514.790.241	1.736.940.274

Thuế và các khoản phải thu

- Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu

	01/01/2018	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	30/06/2018
	VND	VND	VND	VND
	67.192.519	53.293.231	-	13.899.288
	67.192.519	53.293.231	-	13.899.288

CÔNG TY CỔ PHẦN SON HÀ SÀI GÒN

292/5 ấp Tam Đông 2, xã Thới Tam Thôn, Huyện Hóc Môn, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

17. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH

Nội dung	30/06/2018		01/01/2018			
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm		
a, Vay và nợ thuế tài chính ngắn hạn	309.130.422.349	309.130.422.349	325.010.344.789	279.027.546.473	263.147.624.033	263.147.624.033
Vay ngắn hạn	307.328.659.033	307.328.659.033	322.735.557.757	267.588.009.240	252.181.110.516	252.181.110.516
- Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - PGD Phan Văn Hón (1)	86.263.883.647	86.263.883.647	100.636.312.664	100.677.659.996	86.305.230.979	86.305.230.979
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Hóc Môn (2)	34.540.772.029	34.540.772.029	34.540.772.029	-	-	-
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Thanh Xuân (3)	29.073.796.775	29.073.796.775	29.073.796.775	29.009.778.528	29.009.778.528	29.009.778.528
- Ngân hàng TCMP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Kỳ Đồng (4)	67.716.542.054	67.716.542.054	67.785.855.134	65.492.849.220	65.423.536.140	65.423.536.140
- Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Quảng Nam (5)	89.733.664.528	89.733.664.528	90.698.821.155	72.407.721.496	71.442.564.869	71.442.564.869
Vay dài hạn đến hạn trả (thời hạn dưới 1 năm)	1.540.437.988	1.540.437.988	1.993.744.992	9.107.960.992	8.654.653.988	8.654.653.988
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Kỳ Đồng (6)	624.600.000	624.600.000	138.800.000	469.000.000	954.800.000	954.800.000
- Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - PGD Phan Văn Hón (7)	781.638.000	781.638.000	411.570.000	1.440.120.000	1.810.188.000	1.810.188.000
- Ngân hàng TMCP Đông Nam Á (8)	134.199.988	134.199.988	1.443.374.992	2.539.824.996	1.230.649.992	1.230.649.992
- Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Quảng Nam (9)	-	-	-	4.659.015.996	4.659.015.996	4.659.015.996
Nợ thuế tài chính (10)	261.325.328	261.325.328	281.042.040	2.331.576.241	2.311.859.529	2.311.859.529
- Nợ dài hạn đến hạn trả (dưới 1 năm)	261.325.328	261.325.328	281.042.040	2.331.576.241	2.311.859.529	2.311.859.529

CÔNG TY CỔ PHẦN SON HÀ SÀI GÒN

292/5 ấp Tam Đông 2, xã Thới Tam Thôn, Huyện Hóc Môn, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)***17. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (TIẾP)**

Nội dung	30/06/2018		Trong kỳ		01/01/2018	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
b, Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	11.684.646.765	11.684.646.765	4.659.015.996	4.647.622.205	11.673.252.974	11.673.252.974
Vay dài hạn (thời hạn trên 1 năm)	11.659.146.765	11.659.146.765	4.659.015.996	4.323.252.989	11.323.383.758	11.323.383.758
- Ngân hàng TMCP Đông Nam Á (7)	447.333.768	447.333.768	-	1.443.374.992	1.890.708.760	1.890.708.760
- Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - PGD Phan Văn Hớn (6)	3.659.643.000	3.659.643.000	-	411.570.000	4.071.213.000	4.071.213.000
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Kỳ Đồng (5)	1.728.400.000	1.728.400.000	-	138.800.000	1.867.200.000	1.867.200.000
- Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Quảng Nam (9)	5.823.769.997	5.823.769.997	4.659.015.996	2.329.507.997	3.494.261.998	3.494.261.998
Nợ thuê tài chính (8)	25.500.000	25.500.000	-	324.369.216	349.869.216	349.869.216
- Nợ dài hạn (thời hạn trên 1 năm)	25.500.000	25.500.000	-	324.369.216	349.869.216	349.869.216
	320.815.069.114	320.815.069.114	329.669.360.785	283.675.168.678	274.820.877.007	274.820.877.007

(1) Khoản vay theo hợp đồng hạn mức tín dụng số 58/2017-HĐCVHM/NHCT944-SONHA với các điều khoản cụ thể:

- Mục đích: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh;
- Hạn mức: 100.000.000.000 đồng;
- Lãi suất: Áp dụng theo lãi suất thỏa thuận giữa hai bên áp dụng theo từng giấy nhận nợ và được điều chỉnh 01 tháng một lần;
- Tài sản đảm bảo: quyền sử dụng đất số 17/2015-HĐTC/NHCT944-SH ngày 02/06/2015, hợp đồng thế chấp hàng hóa số 46/2016/HĐTC-SH ngày 08/09/2015, hợp đồng cầm cố giấy tờ có giá số 40-2015/HĐCCCP/PVH ngày 28/08/2015.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

17. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH (TIẾP)

- (2) Khoản vay theo hợp đồng cho vay theo Hợp đồng cấp tín dụng số 01/2018/7015218/HĐTD ngày 25/05/2018 và giữa Công ty và Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hóc Môn với các điều khoản cụ thể:
 - Mục đích: Bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C;
 - Hạn mức: 100.000.000.000 đồng;
 - Lãi suất: Áp dụng theo lãi suất thỏa thuận giữa hai bên áp dụng theo từng giấy nhận nợ và được điều chỉnh 6 tháng một lần kể từ ngày thực tế rút vốn vay;
 - Tài sản đảm bảo: Các thỏa thuận về biện pháp bảo đảm được ghi nhận và thực hiện theo các Hợp đồng cầm cố/thế chấp/bảo lãnh/ký quỹ được giao kết trước ngày, cùng ngày hoặc sau ngày của Hợp đồng này mà điều khoản về phạm vi bảo đảm của các Hợp đồng bảo đảm bao gồm Hợp đồng này.

- (3) Khoản vay theo hợp đồng hạn mức tín dụng số 01/2017/7015218/HĐTD ngày 25/10/2017 và thông báo gia hạn số 1657/TGD-NHCT 52.5 ngày 19/05/2017 với các điều khoản cụ thể:
 - Mục đích: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, Bảo lãnh, Mở L/C;
 - Hạn mức: 100.000.000.000 đồng;
 - Thời gian hạn mức đến hết ngày 15/10/2018;
 - Lãi suất: Áp dụng theo lãi suất thỏa thuận giữa hai bên áp dụng theo từng giấy nhận nợ và được điều chỉnh 01 tháng một lần;

- (4) Khoản vay theo hợp đồng cho vay theo Hợp đồng cấp tín dụng số 0001/KHDN/17NH ngày 19/01/2017 và Hợp đồng cho vay theo hạn mức số 01CV-0001/KHDN/17NH ngày 19/01/2017 giữa Công ty và Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam với các điều khoản cụ thể:
 - Mục đích: Tài trợ các nhu cầu tín dụng ngắn hạn hợp pháp, hợp lý, hợp lệ phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty;
 - Hạn mức: 100.000.000.000 đồng;
 - Lãi suất: Áp dụng theo lãi suất thỏa thuận giữa hai bên áp dụng theo từng giấy nhận nợ và được điều chỉnh 6 tháng một lần kể từ ngày thực tế rút vốn vay;
 - Tài sản đảm bảo: Quyền sử dụng đất tại xã Thới Tam Thôn, huyện Hóc Môn, TP. Hồ Chí Minh, và các công trình văn phòng, nhà xưởng gắn liền với đất theo Hợp đồng thế chấp số 002/NHNT-KD/17 tháng 19/01/2017

- (5) Hợp đồng tín dụng số 67/2017-HĐCVHM/NHCT482-SONHACHULAI ký ngày 07/08/2017 giữa Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Quảng Nam và Công ty TNHH MTV Quốc tế Sơn Hà Chu Lai với điều khoản:
 - Hạn mức tín dụng: 100.000.000.000 đồng;
 - Mục đích vay : Bổ sung vốn lưu động, lãi suất và thời hạn cho vay quy định theo từng lần nhận nợ;
 - Biện pháp đảm bảo: Hợp đồng hạn mức tín dụng được đảm bảo bằng Hợp đồng thế chấp quyền tài sản, hàng hóa số 081-2015/HĐTC-KHDN ngày 30/11/2015 được ký kết giữa Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Quảng Nam với Công ty TNHH MTV Quốc tế Sơn Hà Chu Lai và Văn bản bảo lãnh của Công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà ngày 16/10/2015.

CÔNG TY CỔ PHẦN SON HÀ SÀI GÒN

292/5 ấp Tam Đông 2, xã Thới Tam Thôn, Huyện Hóc Môn, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

17. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH (TIẾP)

(6) Khoản vay theo hợp đồng số 0456/KH/15DN ký ngày 24/12/2015 số dư vay còn đến 30/06/2018 số tiền: 1.705.000.000 đồng với các điều khoản cụ thể:

- Mục đích sử dụng vốn vay: Cho vay hoàn vốn đầu tư;
- Ngày đáo hạn: 30/12/2020;
- Lãi suất: áp dụng theo lãi suất thỏa thuận giữa hai bên áp dụng theo từng giấy nhận nợ;
- Tài sản đảm bảo: Khuôn tròn nhựa.

Khoản vay theo hợp đồng số 0003/KH/DN/17/DH ký ngày 19/01/2017 số dư vay còn đến 30/08/2018 số tiền: 648.000.000 đồng với các điều khoản cụ thể:

- Mục đích sử dụng vốn vay: Hoàn vốn chi phí đầu tư liên quan đến thanh toán các chi phí hợp lý hợp lệ;
- Ngày đáo hạn: 28/02/2022;
- Lãi suất: áp dụng theo lãi suất thỏa thuận giữa hai bên áp dụng theo từng giấy nhận nợ;
- Tài sản đảm bảo: 2 xe ô tô Ford.

(7) Khoản vay theo Hợp đồng tín dụng số 37/2015 - HDTD/NHCT944-SONHA-HYUNDAI ngày 26/10/2015 giữa Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn và Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - PGD Phan Văn Hón, với các điều khoản cụ thể:

- Mục đích vay: Thanh toán chi phí đầu tư mua 09 xe ô tô tải Thaco Hyundai HD350;
- Thời hạn vay: 60 tháng từ ngày 26/10/2015;
- Lãi suất: 7%/năm cho kỳ tính lãi đầu tiên đối với những khoản giải ngân phát sinh tại ngày ký hợp đồng được điều chỉnh 3 tháng/lần;
- Tài sản đảm bảo: 09 chiếc xe tải Hyundai HD350 chi tiết theo Hợp đồng thế chấp số 55/2015-HDTC/NHCT944-Sonha ngày 26/10/2015 và Hợp đồng thế chấp số 56/2015-HDTC/NHCT944-SONHA giữa Công ty và ngân hàng, tổng giá trị tài sản đảm bảo là 1.764.000.000 đồng và 3.528.000.000 đồng.

(8) Khoản vay theo các hợp đồng tín dụng trung – dài hạn số 139915/HĐTD-TDHD/DN ngày 26/06/2015, số 142315/HĐTD-TDHD/DN ngày 06/07/2015, số 163215/HĐTD-TDHD/DN ngày 28/08/2015, giữa Công ty và Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đông Nam Á – Chi nhánh Sài Gòn với các điều khoản cụ thể:

- Mục đích vay: Mua xe ô tô đầu tư phương tiện vận tải;
- Thời hạn vay: 60 tháng từ ngày nhận vay trên các hợp đồng tín dụng;
- Lãi suất: áp dụng theo lãi suất thỏa thuận giữa hai bên áp dụng theo từng giấy nhận nợ và được điều chỉnh theo thông báo của ngân hàng vào ngày đầu mỗi quý;
- Tài sản đảm bảo: 04 xe Hyundai 120/05 tấn nhập khẩu nguyên chiếc tại Hà Quốc 100% sản xuất năm 2014 tổng giá trị đảm bảo 5.360.000.000 đồng; 01 xe Hyundai Santa Fe xăng thường model 2015 BKS 51F-240.20 với tổng giá trị đảm bảo 1.055.000.000 đồng ; 01 xe tải Hino Model FG8 JPSL, cầu Tannado Model ZT504 với tổng giá trị tài sản đảm bảo 1.918.000.000 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN SON HÀ SÀI GÒN

292/5 ấp Tam Đông 2, xã Thới Tam Thôn, Huyện Hóc Môn, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

17. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (TIẾP)

- (9) Khoản vay theo Hợp đồng tín dụng số 956/2015/HĐTDHM/NHCT482-SONHACHULAI ký ngày 27/10/2015, thời hạn duy trì hạn mức đến hết ngày 12/09/2019. lãi suất quy định theo từng lần nhận nợ. Tài sản đảm bảo cho khoản vay bao gồm:
- Quyền sở hữu đất, quyền sở hữu nhà và tài sản gắn liền với đất tại Lô 7A1, đường số 3, KCN Bắc Chu Lai, xã Tam Hiệp, huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số BX398528 (Số vào sổ cấp GCN: CT 08673) do UBND tỉnh Quảng Nam cấp ngày 19/11/2014;
 - Toàn bộ các máy móc thiết bị theo các hợp đồng kinh tế HL-2014003 ký ngày 08/10/2014, hợp đồng số 01/HCL-AT/HĐKT-2015 ký ngày 29/04/2015, hợp đồng số 10045/2014/HĐKT-TAC ngày 15/12/2014, hợp đồng số 2404/SHCL-DM/HĐKT/2015, Hợp đồng số 2004-SHCL/2015/TĐ, 0204/2015/HĐXD ngày 02/04/2015, Hợp đồng số 20-04/2015/HĐKT-TCXD, hợp đồng số XTL/SHA01 ngày 11/05/2015, hợp đồng số 26/05/2015/HĐKT-TCXD, ngày 26/05/2015.
- (10) Thuê tài chính Công ty cho thuê tài chính ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam- Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh để thanh toán tiền mua xe với lãi suất áp dụng theo từng hợp đồng cho thuê tài chính và được điều chỉnh định kỳ 6 tháng một lần.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

18. VỐN CHỦ SỞ HỮU

18.1 BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG CỦA VỐN CHỦ SỞ HỮU

Khoản mục	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
01/01/2017	201.600.000.000	-	(227.272.727)	3.592.582.827	59.695.980.763	264.661.290.863
- Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu tăng trong năm	-	-	227.272.727	-	-	227.272.727
- Chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu	50.000.000.000	(250.000.000)	-	-	-	49.750.000.000
- Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	35.527.890.013	35.527.890.013
- Phân phối lợi nhuận trong năm	24.192.000.000	-	-	2.451.698.901	(33.376.315.383)	(6.732.616.482)
+ Trích lập quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	2.451.698.901	(2.451.698.901)	-
+ Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	(408.616.482)	(408.616.482)
+ Trả cổ tức bằng tiền	-	-	-	-	(6.048.000.000)	(6.048.000.000)
+ Chia cổ tức bằng phát hành cổ phiếu	24.192.000.000	-	-	-	(24.192.000.000)	-
+ Tiền thù lao Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát năm 2016	-	-	-	-	(276.000.000)	(276.000.000)
31/12/2017	275.792.000.000	(250.000.000)	-	6.044.281.728	61.847.555.393	343.433.837.121
01/01/2018	275.792.000.000	(250.000.000)	-	6.044.281.728	61.847.555.393	343.433.837.121
- Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	13.627.927.181	13.627.927.181
- Phân phối lợi nhuận trong kỳ (*)	-	-	-	2.131.673.401	(30.342.152.301)	(28.210.478.900)
+ Trích lập quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	2.131.673.401	(2.131.673.401)	-
+ Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	(355.278.900)	(355.278.900)
+ Chia cổ tức bằng tiền	-	-	-	-	(27.579.200.000)	(27.579.200.000)
+ Tiền thù lao Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát năm 2017	-	-	-	-	(276.000.000)	(276.000.000)
30/06/2018	275.792.000.000	(250.000.000)	-	8.175.955.129	45.133.330.273	328.851.285.402

(*) Phân phối lợi nhuận năm 2017 theo Nghị quyết ĐHCĐ thường niên năm 2018 số 30/2018/SHA ngày 28/04/2018.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

18. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)

18.2 CHI TIẾT VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

	30/06/2018	01/01/2018
	VND	VND
Ông Lê Việt Cường	13.547.520.000	13.547.520.000
Công ty Cổ phần Tập đoàn SHC	10.379.200.000	34.865.600.000
Công ty Cổ phần Đầu tư LGC Việt Nam	-	32.872.000.000
Công ty Cổ phần Gia Anh	-	11.416.490.000
Công ty TNHH MTV Đầu tư Tổng hợp Lê Gia	11.000.000.000	-
Ông Lê Hoàng Hà	23.744.000.000	12.544.000.000
Ông Nguyễn Giang Nam	7.218.500.000	10.005.800.000
Các Cổ đông khác	209.902.780.000	160.540.590.000
	275.792.000.000	275.792.000.000

18.3 CÁC GIAO DỊCH VỀ VỐN VỚI CÁC CHỦ SỞ HỮU VÀ PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

	Từ 01/01/2018	Từ 01/01/2017
	đến 30/06/2018	đến 30/06/2017
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu kỳ	275.792.000.000	201.600.000.000
+ Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
+ Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
+ Vốn góp cuối kỳ	275.792.000.000	201.600.000.000
Lợi nhuận đã phân phối	30.342.152.301	33.376.315.383

18.4 CỔ PHIẾU

	30/06/2018	01/01/2018
	CP	CP
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	27.579.200	27.579.200
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	27.579.200	27.579.200
+ Cổ phiếu phổ thông	27.579.200	27.579.200
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	27.579.200	27.579.200
+ Cổ phiếu phổ thông	27.579.200	27.579.200
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu (VND/Cổ phiếu)	10.000	10.000

18.5 CÁC QUỸ

	30/06/2018	01/01/2018
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	8.175.955.129	6.044.281.728

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

19. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018 VND	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 VND
Doanh thu		
Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm	374.666.638.133	460.064.485.136
Doanh thu cung cấp dịch vụ	-	426.655.000
	374.666.638.133	460.491.140.136
Doanh thu với các bên liên quan	30.136.619.096	2.391.262.845
- Công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà	-	1.658.664.360
- Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Thương mại Tổng hợp Sơn Hà	19.437.277.630	-
- Công ty TNHH MTV Sơn Hà Nghệ An	-	487.292.888
- Công ty TNHH MTV Sơn Hà SSP Việt Nam	327.628.736	186.508.692
- Công ty Cổ Phần Phát triển Năng lượng Sơn Hà	408.792.797	58.796.905
- Công ty TNHH MTV Thiết bị Nhà bếp Sơn	9.962.919.933	-

20. CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018 VND	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 VND
Chiết khấu thương mại	6.353.187.910	8.754.215.276
Giảm giá hàng bán	17.140.001	-
Hàng bán bị trả lại	2.162.398.726	2.954.447.687
	8.532.726.637	11.708.662.963

21. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018 VND	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 VND
Giá vốn bán hàng hóa, thành phẩm	303.272.894.458	393.424.226.183
Giá vốn cung cấp dịch vụ	-	300.692.106
	303.272.894.458	393.724.918.289

22. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018 VND	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	42.443.256	542.640.929
Lãi chênh lệch tỷ giá	54.081.786	-
Lãi bán hàng trả chậm, chiết khấu thanh toán	1.263.939.600	-
	1.360.464.642	542.640.929

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

23. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017
	VND	VND
Chi phí lãi vay	8.887.809.004	8.236.956.116
Chiết khấu thanh toán	853.842.291	146.521.000
Lãi chậm trả	4.895.592	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá	71.786.634	70.786.388
Chi phí phát hành trái phiếu	-	79.999.998
	9.818.333.521	8.534.263.502

24. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017
	VND	VND
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp	11.502.529.858	8.426.193.585
Chi phí nhân viên	3.840.930.840	3.095.915.988
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	378.346.039	89.117.174
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.533.013.112	2.371.974.384
Thuế, phí, lệ phí	7.620.000	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.550.519.429	2.480.529.229
Chi phí quản lý khác	3.192.100.438	388.656.810
Các khoản chi phí bán hàng	28.119.864.346	23.965.759.446
Chi phí nhân viên	17.409.902.934	12.532.680.318
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	832.951.811	887.155.892
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.048.725.203	2.855.912.802
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.201.673.987	4.763.106.808
Chi phí bán hàng khác	2.626.610.411	2.926.903.626
	39.622.394.204	32.391.953.031

25. THU NHẬP KHÁC

	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017
	VND	VND
Thu tiền cho thuê tài sản	79.721.940	79.721.940
Các khoản khác	935.010.682	279.380.561
	1.014.732.622	359.102.501

26. CHI PHÍ KHÁC

	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017
	VND	VND
Chi phí khấu hao tài sản cho thuê	79.611.804	79.611.804
Các khoản chi phí khác	320.097.358	407.787.681
	399.709.162	487.399.485

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

27. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018 VND	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	15.395.777.415	14.545.686.296
Các khoản chi phí không được khấu trừ	188.438.400	30.425.000
- Khấu hao TSCĐ không tham gia sản xuất	181.438.400	-
- Các khoản chi phí phạt	7.000.000	-
Trừ các khoản thu nhập không chịu thuế	6.646.272.788	9.302.773.434
- Lợi nhuận Công ty TNHH MTV Quốc tế Sơn Hà Chu Lai	6.646.272.788	9.302.773.434
Tổng thu nhập chịu thuế trong kỳ	8.937.943.027	5.273.337.862
Thuế suất	20%	20%
Thuế TNDN phải trả ước tính	1.787.588.604	1.054.667.571
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	(30.082.394)	(24.209.325)
Chi phí thuế TNDN phải trả	24.209.325	19.170.368
Chi phí thuế TNDN hiện hành	1.781.715.535	1.049.628.614

28. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HOẢN LẠI

	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018 VND	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 VND
- Chênh lệch giá trị ghi sổ hàng tồn kho Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn bán cho Công ty TNHH MTV Quốc tế Sơn Hà Chu Lai chưa bán ra bên ngoài	48.867.935	121.046.623
- Chênh lệch giá trị còn lại TSCĐ Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn góp vốn Công ty TNHH MTV Quốc tế Sơn Hà Chu Lai	101.544.037	-
Chênh lệch tạm thời được khấu trừ	150.411.972	121.046.623
Thuế suất	20%	20%
Thuế TNDN hoãn lại ước tính	(30.082.394)	(24.209.325)
Thuế TNDN hoãn lại năm trước	16.217.094	29.248.283
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	(13.865.300)	5.038.958

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

29. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

29.1 SỐ CỔ PHIẾU BÌNH QUÂN

	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017
	CP	CP
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành đầu kỳ	27.579.200	20.160.000
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành trong kỳ	-	-
Tổng số cổ phiếu bình quân gia quyền đang lưu hành trong kỳ	27.579.200	20.160.000

29.2 LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND) (*)	13.627.927.180	13.491.018.724
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu đang lưu hành trong kỳ (CP)	27.579.200	20.160.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/CP)	494	669

(*) Lợi nhuận sau thuế dùng tính lãi cơ bản trên cổ phiếu chưa loại trừ số trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi 6 tháng do Công ty tiến hành phân phối lợi nhuận sau thời điểm phát hành báo cáo này.

30. LÃI SUY GIẢM TRÊN CỔ PHIẾU

	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND) (*)	13.627.927.180	13.491.018.724
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu đang lưu hành trong kỳ (CP)	27.579.200	20.160.000
Số cổ phiếu phổ thông dự kiến phát hành thêm	-	7.419.200
Lãi suy giảm trên cổ phiếu (VND/CP)	494	489

(*) Lợi nhuận sau thuế dùng tính lãi suy giảm trên cổ phiếu chưa loại trừ số trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi trích lập từ lợi nhuận trong kỳ do Công ty tiến hành phân phối lợi nhuận vào thời điểm kết thúc kỳ kế toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

31. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017
	VND	VND
Chi phí nguyên vật liệu	85.598.333.484	80.495.721.134
Chi phí nhân công	23.812.521.954	18.386.197.757
Khấu hao tài sản cố định	6.540.073.637	8.170.751.940
Thuế, phí, lệ phí	7.620.000	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	8.554.400.813	8.262.151.443
Chi phí bằng tiền khác	5.818.710.849	6.845.551.887
	130.331.660.737	122.160.374.161

32. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng công ty vừa có thể hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ đã trình bày tại Bảng cân đối kế toán, phần vốn thuộc sở hữu của cổ đông Công ty bao gồm vốn góp, quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp kế toán mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu được trình bày tại Thuyết minh số 3.16.

Các loại công cụ tài chính

	30/06/2018	Giá trị ghi sổ 01/01/2018
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	52.314.815.931	38.242.168.257
Phải thu khách hàng	163.506.790.023	149.415.186.102
Phải thu khác	407.733.049	934.134.862
Cộng	216.229.339.003	188.591.489.221
Nợ phải trả tài chính		
Vay và nợ	320.815.069.114	274.820.877.007
Phải trả người bán	27.569.675.770	43.400.158.838
Phải trả khác	27.842.928.524	263.238.000
Chi phí phải trả	2.428.935.305	4.269.081.448
Cộng	378.656.608.713	322.753.355.293
Trạng thái ròng	(162.427.269.710)	(134.161.866.072)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

32. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP)

Tại ngày 30/06/2018, Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và Nợ phải trả tài chính do Thông tư 210 cũng như các qui định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc này. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng chuẩn mực Báo cáo tài chính hợp nhất Quốc tế về việc trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và Thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả giá trị hợp lý nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất, rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm chung đối với việc thiết lập và vận hành các chính sách nhằm kiểm soát rủi ro (phát hiện, ngăn ngừa và hạn chế ảnh hưởng của các rủi ro).

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá, lãi suất, giá hàng hóa và rủi ro về giá khác như giá cổ phần. Mục tiêu của việc quản lý rủi ro thị trường là quản lý và kiểm soát mức độ rủi ro trong giới hạn chấp nhận được trong khi vẫn tối đa hóa lợi nhuận.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty đã thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Công ty chưa thực hiện biện pháp đảm bảo rủi ro do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro trọng yếu về lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Công ty chịu rủi ro lãi suất khi vay vốn với lãi suất thả nổi và lãi suất cố định. Rủi ro này được Công ty quản lý bằng cách duy trì một tỷ lệ hợp lý giữa các khoản vay với lãi suất cố định và các khoản vay với lãi suất thả nổi.

Quản lý rủi ro về giá hàng hóa

Công ty có rủi ro về giá hàng hóa do thực hiện mua một số loại hàng hóa nhất định. Công ty quản lý rủi ro về giá hàng hóa thông qua việc theo dõi chặt chẽ các thông tin thị trường hàng hóa nhằm quản lý thời điểm mua hàng, kế hoạch kinh doanh và mức hàng tồn kho một cách hợp lý. Công ty chưa sử dụng các công cụ phái sinh đảm bảo để phòng ngừa các rủi ro về giá hàng hóa.

Quản lý rủi ro về giá cổ phiếu

Một số khoản đầu tư vào công cụ vốn được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà vì mục đích chiến lược lâu dài.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

32. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP)

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các khoản nợ phải trả tài chính theo thời hạn thanh toán. Số liệu trình bày trên cơ sở dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính theo ngày sớm nhất mà tập đoàn phải trả, bao gồm các khoản gốc và tiền lãi (nếu có).

	Dưới 1 năm	Từ 1-5 năm	Tổng
	VND	VND	VND
30/06/2018			
Vay và nợ	309.130.422.349	11.684.646.765	320.815.069.114
Phải trả người bán	27.569.675.770	-	27.569.675.770
Phải trả khác	27.552.190.524	290.738.000	27.842.928.524
Chi phí phải trả	2.428.935.305	-	2.428.935.305
Cộng	366.681.223.948	11.975.384.765	378.656.608.713
01/01/2018			
Vay và nợ	263.147.624.033	11.673.252.974	274.820.877.007
Phải trả người bán	43.400.158.838	-	43.400.158.838
Phải trả khác	-	263.238.000	263.238.000
Chi phí phải trả	4.269.081.448	-	4.269.081.448
Cộng	310.816.864.319	11.936.490.974	322.753.355.293

Bảng dưới đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính chưa gồm lãi từ các tài sản đó. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

32. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP)

	Dưới 1 năm VND	Từ 1-5 năm VND	Tổng VND
30/06/2018			
Tiền và các khoản trương đương tiền	52.314.815.931	-	52.314.815.931
Phải thu khách hàng	163.506.790.023	-	163.506.790.023
Phải thu khác	138.388.253	269.344.796	407.733.049
Cộng	215.959.994.207	269.344.796	216.229.339.003
01/01/2018			
Tiền và các khoản trương đương tiền	38.242.168.257	-	38.242.168.257
Phải thu khách hàng	149.415.186.102	-	149.415.186.102
Phải thu khác	276.699.819	657.435.043	934.134.862
Cộng	187.934.054.178	657.435.043	188.591.489.221

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức độ tập trung rủi ro thanh khoản ở mức bình thường. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Quản lý rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ các khoản phải khách hàng, tiền gửi ngân hàng.

Phải thu khách hàng

Để quản lý phải thu khách hàng, Ban Tổng Giám đốc đã ban hành quy chế bán hàng với các quy định chặt chẽ về các đối tượng mua hàng, định mức bán hàng, hạn mức nợ và thời hạn nợ một cách cụ thể. Hàng tháng, Ban Tổng Giám đốc thực hiện kiểm tra việc tuân thủ quy chế bán hàng này. Ngoài ra, nhân viên phòng kế toán thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi.

Khoản phải thu khách hàng của Công ty liên quan đến nhiều đơn vị hoạt động trong các lĩnh vực và các khu vực địa lý khác nhau nên rủi ro tín dụng tập trung đối với khoản phải thu khách hàng là thấp.

Tiền gửi ngân hàng

Các khoản tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng trong nước. Ban Tổng Giám đốc không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản tiền gửi này.

CÔNG TY CỔ PHẦN SON HÀ SÀI GÒN

292/5 ấp Tam Đông 2, xã Thới Tam Thôn, Huyện Hóc Môn, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)***32. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP)**

Bảng phân tích về thời gian quá hạn và giảm giá của các tài sản tài chính như sau:

	Tổng cộng (Giá trị ghi số)		Không quá hạn		Quá hạn			
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
			Bị suy giảm giá trị	Tổng	Dưới 1 năm	Trên 1 năm		Tổng
					Bị suy giảm giá trị	Không bị suy giảm giá trị	Bị suy giảm giá trị	Không bị suy giảm giá trị
30/06/2018								
Tiền và các khoản tương đương tiền	52.314.815.931	-	52.314.815.931	52.314.815.931	-	-	-	-
Phải thu khách hàng	165.267.874.773	-	163.506.790.023	163.506.790.023	-	1.761.084.750	-	1.761.084.750
Phải thu khác	407.733.049	-	407.733.049	407.733.049	-	-	-	-
	217.990.423.753	-	216.229.339.003	216.229.339.003	-	1.761.084.750	-	1.761.084.750
01/01/2018								
Tiền và các khoản tương đương tiền	38.242.168.257	-	38.242.168.257	38.242.168.257	-	-	-	-
Phải thu khách hàng	151.176.270.852	-	149.415.186.102	149.415.186.102	-	1.761.084.750	-	1.761.084.750
Phải thu khác	934.134.862	-	934.134.862	934.134.862	-	-	-	-
	190.352.573.971	-	188.591.489.221	188.591.489.221	-	1.761.084.750	-	1.761.084.750

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

32. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP)

Giá trị suy giảm

	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị hợp lý
	VND	VND	VND
30/06/2018			
Các khoản phải thu ngắn hạn	1.761.084.750	1.761.084.750	-
	1.761.084.750	1.761.084.750	-
01/01/2018			
Các khoản phải thu ngắn hạn	1.761.084.750	1.761.084.750	-
	1.761.084.750	1.761.084.750	-

33. THÔNG TIN KHÁC

33.1 CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	30/06/2018	01/01/2018
Ngoại tệ các loại		
+ USD	102,88	102,88

33.2 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017
	VND	VND
Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến báo cáo lưu chuyển tiền tệ trong tương lai		

- Mua tài sản bằng cách nhận các khoản nợ liên quan trực tiếp hoặc thông qua nghiệp vụ cho thuê tài chính

- 1.247.926.744

- Thanh lý TSCĐ chưa thu tiền

- 1.210.634.136

Số tiền đi vay thực thu trong kỳ

- Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường

322.735.557.756

279.889.180.111

Số tiền đã thực trả gốc vay trong kỳ

- Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường

274.093.215.098

176.489.912.810

33.3 NGHIỆP VỤ VÀ SÓ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát

	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017
	VND	VND
Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc	518.158.000	416.446.000
Thù lao của Ban Kiểm soát	276.000.000	276.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

33. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)

33.3 NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP)

Mối quan hệ của Công ty với các bên liên quan có phát sinh giao dịch trong giai đoạn từ 01/01/2018 đến 30/06/2018 như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà (SHI)	Ông Lê Hoàng Hà là Phó Chủ tịch
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Thương mại Tổng hợp Sơn Hà	Ông Lê Hoàng Hà là Chủ tịch HĐQT
Công ty TNHH MTV Sơn Hà SSP Việt Nam	Công ty con 100% vốn của SHI
Công ty TNHH MTV Sơn Hà Nghệ An	Công ty con 100% vốn của SHI
Công ty Thiết bị Nhà bếp Sơn Hà	Công ty con 100% vốn của SHI
Công ty Cổ phần Phát triển Năng lượng Sơn Hà	Công ty con 51,59% vốn của SHI
Ông Ngô Văn Thông	Thành viên Ban Kiểm soát

Giao dịch với các bên liên quan

	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018 VND	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 VND
Công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà	192.715.215	1.821.767.630
Đi thuê tài sản	60.567.270	60.567.270
Chi phí dịch vụ	91.528.000	102.536.000
Bán hàng hóa	40.619.945	1.658.664.360
Công ty Cổ Phần Đầu Tư Phát Triển Thương Mại Tổng Hợp Sơn Hà	19.437.277.630	-
Bán hàng hóa, nguyên liệu vật liệu	19.437.277.630	-
Công ty TNHH MTV Sơn Hà Nghệ An	-	487.292.888
Bán hàng hóa, nguyên liệu vật liệu	-	487.292.888
Công ty Cổ Phần Phát triển Năng lượng Sơn Hà	23.597.435.178	15.351.437.495
Mua hàng hóa, nguyên liệu vật liệu	23.188.642.381	15.292.640.590
Bán hàng hóa, nguyên liệu vật liệu	408.792.797	58.796.905
Công ty TNHH MTV Sơn Hà SSP Việt Nam	100.052.891.140	131.933.586.644
Mua hàng hóa, nguyên liệu vật liệu	99.645.540.464	131.667.356.012
Bán hàng hóa, nguyên liệu vật liệu	327.628.736	186.508.692
Cho thuê tài sản	79.721.940	79.721.940
Công ty TNHH MTV Thiết bị Nhà Bếp Sơn Hà	9.962.919.933	-
Mua hàng hóa, nguyên liệu vật liệu	9.962.919.933	-
Ông Ngô Văn Thông - Mua đất	-	6.000.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

33. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)

33.3 NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP)

Số dư với các bên liên quan

	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018 VND	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 VND
Phải thu khách hàng	24.610.607.018	17.190.721.685
- Công ty Cổ Phần Quốc Tế Sơn Hà	3.312.192.616	3.273.312.676
- Công ty Cổ Phần ĐTPT Thương Mại Tổng Hợp Sơn Hà	21.298.414.402	13.917.409.009
Phải trả nhà cung cấp	10.650.234.990	22.237.045.380
- Công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà	1.028.283.925	846.096.453
- Công ty Cổ Phần Phát Triển Năng Lượng Sơn Hà	3.454.266.967	5.435.666.923
- Công ty TNHH Một Thành Viên Sơn Hà SSP Việt Nam	4.721.096.114	15.211.400.004
- Công ty TNHH MTV Thiết bị Nhà Bếp Sơn Hà (SHK)	1.446.587.984	743.882.000

33.4 BÁO CÁO BỘ PHẬN

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính hợp nhất nội bộ của Công ty do các hoạt động kinh doanh của Công ty được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ do Công ty cung cấp với mỗi một bộ phận là một đơn vị kinh doanh cung cấp các sản phẩm khác nhau và phục vụ cho các thị trường khác nhau.

Lĩnh vực kinh doanh

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực : Hàng gia dụng.
- Lĩnh vực : Hàng công nghiệp.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

33. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)

33.4 BÁO CÁO BỘ PHẬN (TIẾP)

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018	Hàng gia dụng	Hàng Công nghiệp	Cộng
	VND	VND	VND
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	237.754.508.994	128.379.402.502	366.133.911.496
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	237.754.508.994	128.379.402.502	366.133.911.496
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	55.688.959.845	7.172.057.193	62.861.017.038
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận			(39.622.394.204)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh			23.238.622.834
Doanh thu hoạt động tài chính			1.360.464.642
Chi phí tài chính			(9.818.333.521)
Thu nhập khác			1.014.732.622
Chi phí khác			(399.709.162)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành			(1.781.715.535)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại			13.865.300
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp			13.627.927.180

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

33. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)

33.4 BÁO CÁO BỘ PHẬN (TIẾP)

Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017	Hàng gia dụng	Hàng Công nghiệp	Cộng
	VND	VND	VND
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	258.420.576.410	190.361.900.763	448.782.477.173
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	258.420.576.410	190.361.900.763	448.782.477.173
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	40.746.548.653	14.311.010.231	55.057.558.884
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận			(32.391.953.031)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh			22.665.605.853
Doanh thu hoạt động tài chính			542.640.929
Chi phí tài chính			(8.534.263.502)
Thu nhập khác			359.102.501
Chi phí khác			(487.399.485)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành			(1.049.628.614)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại			(5.038.958)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp			13.491.018.724

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

33. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)


33.5 THÔNG TIN VỀ HOẠT ĐỘNG LIÊN TỤC

Công ty không có bất kỳ sự kiện nào gây ra sự nghi ngờ về khả năng hoạt động liên tục và Công ty không có ý định cũng như buộc phải ngừng hoạt động, hoặc phải thu hẹp đáng kể quy mô hoạt động của mình.


33.6 SỐ LIỆU SO SÁNH


Số liệu so sánh là số liệu theo Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 của Công ty đã được kiểm toán và Báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017 của Công ty đã được soát xét.




Huỳnh Văn Hòa
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 08 năm 2018


Ngô Thị Thanh Lan
Kế toán trưởng


Lê Thị Tuyết
Người lập